TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 43/2026/DS-ST
Ngày 21-5-2026
Về: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng
2. Ông Nguyễn Bá Lộc

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 147/2026/TLST – DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXX – ST ngày 20-4-2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2026/QĐST-DS ngày 06-5-2026 giữa các bên:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T. Chức vụ: Phó GĐ Trung tâm xử lý nợ Pháp lý KHCN theo văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Bà Nguyễn Võ Thùy L, sinh năm 1995. Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: Số D B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975; địa chỉ: Nhà số A, Tổ A, ấp P, xã L, Tp . (Số điện thoại: 0989.991.919). Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 10/12/2025 và quá trình tố tụng tại tòa bà Nguyễn Võ Thùy L đại diện cho nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Thanh B có ký với Ngân hàng TMCP V (V2) các Hợp đồng cho vay cụ thể như sau:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07/6/2023 (số hồ sơ giải ngân LD23115801378/LN2306079375787). Số tiền cho vay: 60.000.000 đồng; giải ngân ngày: 07/6/2023. Mục đích vay: Tiêu dùng và mua bảo hiểm. Thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 07/6/3023 đến ngày 15/5/2026); Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 30%/năm, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm cộng biên độ 22%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Kỳ trả nợ gốc: 1 tháng 1 lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/7/2023; Kỳ trả nợ lãi: 1 tháng 1 lần vào ngày 15, kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2023; Nợ gốc đã thanh toán là 17.635.104 đồng. Nợ lãi đã thanh toán là 16.180.508 đồng. Dư nợ hiện tại tạm tính đến ngày 21/5/2026 là: Nợ gốc: 42.364.896 đồng. Nợ lãi: 41.619.123 đồng. Tổng cộng: 83.984.019 đồng.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dịch vụ ngân hàng điện tử số 005-P-4406132 ngày 07/6/2023, hạn mức thẻ: 10.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Ngày đến hạn 07/6/2028. Mục đích vay: Tiêu dùng. Sau khi được ngân hàng kích hoạt thẻ ông B đã rút tiền vay vào ngày 07/6/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B vi phạm.

Tại Tòa bà L yêu cầu:

- Buộc ông B phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền: 83.984.019 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 42.364.896 đồng, nợ lãi: 41.619.123 đồng và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 22/5/2026 cho đến khi ông B trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-4406132 đã ký kết giữa V2 với ông Nguyễn Thanh B.

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Thanh B đến Toà giải quyết về số nợ Ngân hàng yêu cầu bà phải trả nhưng bà H vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh B trả tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều

26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông B hiện đang sinh sống tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07/6/2023 (số hồ sơ giải ngân LD23115801378/LN2306079375787) thì ông Nguyễn Thanh B được Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt Ngân hàng) cho vay số tiền: 60.000.000.000 đồng. Ông B nhận tiền vay số hồ sơ giải ngân LD23115801378/LN2306079375787 ngày 07/6/2023. Cho thấy, việc vay tiền giữa hai bên là có thật. Theo Ngân hàng xác nhận, sau khi nhận tiền vay và được Ngân hàng kích hoạt thẻ ông B rút tiền vay theo hạn mức và thực hiện trả lãi phát sinh hàng tháng theo thỏa thuận nhưng không đều đến ngày 01-4-2024 thì ngưng trả nên ngân hàng chấm dứt thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07/6/2023). Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê ngày 21-5-2025 của Ngân hàng thì ông B còn nợ tổng số tiền: 83.984.019 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có cơ sở. Xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh B phải nộp 4.199.201đồng được tính như sau: (83.984.019 đồng x 5%). Ngân hàng không phải nộp án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và 39, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng thẻ tín dụng số 005-P-4406132 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Nguyễn Thanh B

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với ông Nguyễn Thanh B.

Buộc Nguyễn Thanh B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng cộng: 83.984.019đ (Chín mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn không trăm mười chín đồng. Trong đó: Nợ gốc: 42.364.896đ (Bốn mươi hai triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng). Nợ lãi: 41.619.123đ (Bốn mươi mốt

triệu sáu trăm mười chín ngàn một trăm hai mươi ba đồng), từ ngày 22-5-2026 ông B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07/6/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh B phải nộp 4.199.201đ (Bốn triệu một trăm chín mươi chín mươi chín ngàn hai trăm lẻ một đồng).

- Hoàn số tiền: 2.439.886đ (Hai triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn tám trăm tám mươi sáu đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo Biên lai thu tạm ứng số 0003354 ngày 12-01-2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện KS ND khu vực 13-Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 13-Tp. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc

: .